

Số: /BC-BCĐ

Cát Hải, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO
Về quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
đặc khu Cát Hải năm 2025

Căn cứ Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (*viết tắt là Nghị định 20*);

Căn cứ Thông tư 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (*viết tắt là Thông tư 07*);

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông;

Thực hiện Kế hoạch số 60/KH-UBND, ngày 17/9/2025 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải về triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 trên địa bàn đặc khu Cát Hải;

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả tự kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (PCGD, XMC);

Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đặc khu Cát Hải báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 trên địa bàn đặc khu với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế và xã hội

Đặc khu Cát Hải đặc thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở toàn bộ huyện Cát Hải với 12 xã, thị trấn (cũ), nằm ở phía Đông Nam thành phố Hải Phòng, cách trung tâm thành phố 60 km theo đường biển, diện tích 345 km², gồm; dân số tính đến thời điểm hiện nay trên 34.000 người.

Đặc khu Cát Hải là địa bàn có nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ cảng biển. Trong những năm qua, được sự quan tâm đặc biệt của Trung ương, thành phố, một số dự án trọng điểm quốc gia có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển thành phố và đất nước đã được triển khai trên địa bàn như: Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cầu Tân Vũ - Lạch Huyện, Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast, cáp treo Cát Hải – Phù Long, Tổ hợp nghỉ dưỡng cao cấp Flamingo Cát Bà, các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho phát triển du

lịch... được tích cực nâng cấp, hoàn thiện, đồng bộ đã làm thay đổi về cơ cấu, quy mô kinh tế, diện mạo đô thị. Cát Hải là xã đầu tiên của thành phố Hải Phòng được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; các lĩnh vực văn hóa, giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; an sinh xã hội được bảo đảm tốt, đã xóa nghèo trên địa bàn huyện; quốc phòng, an ninh được giữ vững; năng lực lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị được đổi mới và nâng cao, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc.

2. Đặc điểm giáo dục

2.1. *Quy mô trường lớp*: 21 đơn vị trường học, 01 điểm Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên Hải Phòng đặt trên địa bàn đặc khu Cát Hải . Cụ thể:

a) Mầm non: 8 trường và 03 nhóm lớp thuộc trường phổ thông: 74 lớp; 1.734 học sinh.

b) Tiểu học có 10 trường: Tổng 100 lớp với 2325 học sinh. Trong đó:

- 01 trường Tiểu học có: 34 lớp với 956 học sinh;

- 9 trường TH&THCS có cấp Tiểu học: 66 lớp với 1369 học sinh.

c) THCS có 10 trường: Tổng có 71 lớp với 2033 học sinh. Trong đó:

- 09 trường TH&THCS có cấp THCS: 51 lớp với 1143 học sinh.

- 01 trường THCS có 20 lớp với 890 học sinh.

d) THPT có 2 trường: Tổng có 27 lớp với 1018 học sinh. Trong đó:

- THPT Cát Hải: 12 lớp với 407 học sinh;

- THPT Cát Bà: 15 lớp với 622 học sinh.

e) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên có 01 trung tâm: Tổng có 06 lớp với 163 học viên (Cấp THPT)

2.2. Đội ngũ giáo viên

a) Đội ngũ GD Mầm non: 214 người, giáo viên 131 (đạt chuẩn 100%, trên chuẩn 97%) Luật Giáo dục 2019.

b) Tiểu học: 141 người Giáo viên, đạt chuẩn $138/141 = 98,7\%$ (theo Luật Giáo dục 2019).

c) THCS: 149 người. Đạt chuẩn 93.28%. Trên chuẩn $01/149=0.67\%$.

d) THPT: 57 người. Đạt chuẩn 100%. Trên chuẩn $04/57=7,01\%$.

e) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên: 08 người-đạt chuẩn 100%; Trên chuẩn: 0.

2.3. *Cơ sở vật chất trường học, trung tâm đã và đang được đầu tư xây dựng theo trường chuẩn.*

- Tính đến tháng 11/2025, toàn huyện có: 14/21 (66,6%) trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; 16/21 (76,2%) trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục các cấp độ. Trong đó:

- Mầm non: số trường đạt chuẩn 06 trường: mầm non Sơn Ca, mầm non Sao Mai, mầm non Trân Châu; mầm non Phù Long, mầm non TT Cát Hải, MN Xuân Đám; số trường đạt KĐCL 7/8 trường, bao gồm: Mầm non Sơn Ca, Sao Mai, Văn Phong, Thị trấn Cát Hải, Xuân Đám, Phù Long, Trân Châu.

- Tiểu học: Số trường đạt chuẩn 01; Số trường đạt KĐCL 01 (Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi).

+ TH&THCS: đạt chuẩn 05 trường, bao gồm trường TH&THCS Nghĩa Lộ, TH&THCS Hoàng Châu, TH&THCS Phù Long, TH&THCS Hà Sen, TH&THCS Xuân Đám; 05 trường đạt KĐCL, bao gồm TH&THCS Nghĩa Lộ, TH&THCS Hoàng Châu, TH&THCS Hà Sen, TH&THCS Xuân Đám, TH&THCS Văn Phong.

+ THCS: 01 trường đạt chuẩn và đạt KĐCL: trường THCS TT Cát Bà.

+ THPT : 01 trường đạt chuẩn: trường THPT Cát Bà và 02 trường đạt KĐCL: trường THPT Cát Bà, trường THPT Cát Hải.

3. Những thuận lợi, khó khăn tác động đến công tác phổ cập giáo dục

3.1. Thuận lợi

- Công tác PCGD, XMC được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy-HĐND-UBND đặc khu. Đặc biệt các trường học trên địa bàn được đầu tư về cơ sở vật chất; tỉ lệ huy động ở các cấp học có chuyển biến, tỉ lệ trẻ em đến trường ngày càng tăng cao qua từng năm học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đủ về số lượng, trình độ đạt chuẩn về trên chuẩn đảm bảo ở mức cao; công tác tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện bài bản, hiệu quả,... tạo được môi trường học tập tốt để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đại trà.

- Trình độ dân trí từng bước được cải thiện, người dân ngày càng có nhận thức và quan tâm đúng mức đến sự nghiệp giáo dục.

- Phần mềm mới sử dụng có nhiều tính năng tiện ích, dễ dàng thao tác, sử dụng, luôn được kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời trong quá trình sử dụng.

- Đội ngũ công chức phụ trách nội dung giáo dục tại Phòng Văn hóa-Xã hội đặc khu là những người có chuyên môn, kinh nghiệm nhiều năm trong công tác quản lý chỉ đạo giáo dục và công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Các đơn vị trường học sau sáp nhập đã nhanh chóng ổn định, đi vào hoạt động có nền nếp. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên làm công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cơ bản ổn định, được giữ vững và có nhiều kinh nghiệm trong triển khai, thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

3.2. Khó khăn

- Đặc khu Cát Hải chia làm nhiều thôn (58 thôn), nhiều hộ dân cư tạm trú không ổn định nên việc điều tra phổ cập gặp nhiều khó khăn.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của toàn thành phố; Số lượng học sinh ít nên kết quả đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 gặp nhiều khó khăn, không ổn định, chưa có tính bền vững.

- Một số yêu cầu thông tin trên phiếu điều tra phổ cập giáo dục-chống mù chữ gây khó khăn, bất cập cho công tác điều tra như: Số định danh công dân của chủ hộ, số điện thoại của chủ hộ, ... Nhiều hộ gia đình không hợp tác trong quá trình phối hợp cung cấp các thông tin theo nội dung phiếu điều tra (bằng cấp, năm tốt nghiệp..)

II. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN PCGD, XMC

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện của Đảng ủy, UBND đặc khu

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 307/KH-UBND, ngày 30/10/2024 về việc thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Cát Hải và Kế hoạch số 143/KH-UBND, ngày 15/5/2025 về việc Triển khai thực hiện Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030 trên địa bàn huyện Cát Hải; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm yêu cầu đề ra.

- Hàng năm, UBND huyện đặc biệt quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị dạy học; bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu dạy và học của các đơn vị trường học trên địa bàn đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện công nhận phổ cập giáo dục.

- Năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch số 28/KH-BCĐ, ngày 23/01/2025 của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC huyện Cát Hải về việc triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 và các văn bản liên quan.

- Từ ngày 01/7/2025, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, UBND đặc khu Cát Hải đã kịp thời thành lập Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đặc khu với đầy đủ các thành phần liên quan, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên (Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND đặc khu); đồng thời chỉ đạo Phòng Văn hóa-Xã hội nghiên cứu văn bản, kịp thời triển khai công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025.

2. Công tác tuyên truyền, vận động

- Đảng ủy, HĐND, UBND đặc khu Cát Hải tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, trường học tập trung thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện, bảo

đảm cho mọi công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ học tập, hoàn thành phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc; chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng thiết yếu cho người mới biết chữ, duy trì và nâng cao tính bền vững đối với kết quả xóa mù chữ cho người lớn, chú trọng xóa mù chữ chức năng; tăng cường tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng, hoàn cảnh, có cơ hội tiếp tục học tập.

- Tập trung chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Chú trọng việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất, tư tưởng, đạo đức, năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên. Nâng cao chất lượng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục gắn với quy hoạch nhân lực ngành Giáo dục.

3. Công tác triển khai thực hiện của Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đặc khu

- Ban Chỉ đạo PCGD, XMC được kiện toàn kịp thời, đảm bảo đủ các thành viên liên quan, phù hợp với thực tế yêu cầu nhiệm vụ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Ban Chỉ đạo PCGD, XMC tập trung tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai công tác phổ cập năm 2025; Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

- Ngày 08/9/2025, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC đặc khu ban hành Công văn số 1005/BCĐ về việc triển khai phần mềm Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025, trong đó, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trường học chọn cử cán bộ quản lý, giáo viên phụ trách 58 thôn trên địa bàn đặc khu.

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị trường học phân công đại biểu tham gia tập huấn sử dụng phần mềm phổ cập; phân công cán bộ quản lý và giáo viên trực tiếp phụ trách điều tra phổ cập giáo dục đến từng hộ dân trên địa bàn từng thôn; đôn đốc, kiểm tra rà soát, cập nhật số liệu phổ cập từng ngày.

- Ngày 10/9/2025, Ban Chỉ đạo PCGD, XMC đặc khu ban hành Công văn số 1043/BCĐ về việc phối hợp trong công tác điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025, gửi về các xã, phường đặc khu trong toàn thành phố để thống kê số liệu học sinh đi học nơi khác; đồng thời chủ động gửi danh sách học sinh nơi khác về các xã phường liên quan.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch tự kiểm tra, chủ động tiến hành kiểm tra thực tế tại một số đơn vị trường học và hộ gia đình tại một số thôn. Tham mưu UBND đặc khu ban hành quyết định tự công nhận kết quả PCGD, XMC năm 2025. Chủ động hoàn thành hồ sơ phổ cập, xóa mù chữ theo đúng quy định.

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CÔNG TÁC PHỔ CẬP GIÁO DỤC-XÓA MÙ CHỮ *(tính đến thời điểm báo cáo, đối chiếu với các điều kiện đảm bảo và tiêu chuẩn phổ cập)*

1. Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi

1.1. Điều kiện đảm bảo để đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi

- Toàn đặc khu có 34 giáo viên lớp 5 được hưởng chế độ chính sách đạt 100%; có $131/131 = 100\%$ giáo viên mầm non được hưởng chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

- 8/8 trường có 34 giáo viên đảm bảo đủ giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 16/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- 34/34 (100%) giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt chuẩn theo quy định và đạt trình độ trên chuẩn 100%.

- 100% giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp xếp loại khá trở lên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8/10/2018 Thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Đặc khu Cát Hải đã phân công giáo viên, cán bộ quản lý phụ trách theo dõi, điều tra công tác phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi tại địa bàn.

1.1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Đặc khu Cát Hải có mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đảm bảo theo quy hoạch (mỗi thôn có từ 01 đến 02 trường mầm non và cơ sở giáo dục mầm non) với điều kiện giao thông đảm bảo thuận lợi nhất cho phụ huynh đưa đón trẻ đến lớp theo quy định..

- 100% các trường mầm non có đủ số phòng học cho lớp mẫu giáo 5 tuổi, toàn đặc khu có 20 lớp và 20 phòng học (đảm bảo tỉ lệ 1,0 phòng/lớp), được xây dựng kiên cố, an toàn, trong đó phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích tối thiểu 50m²/lớp; bình quân 1,5m²/trẻ; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè. 100% số lớp mẫu giáo 5 tuổi có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. 8/8 trường có sân chơi đạt 100%, số sân chơi có đồ chơi là 14 sân chơi; đạt 100%. Số trường có công trình vệ sinh: 8/8 đạt tỉ lệ 100%. Số trường và điểm trường có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước là 14/14 đạt tỉ lệ 100%.

1.2. Tiêu chuẩn

- Đối với cá nhân: có 575/575 (100%) trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN.

- Toàn đặc khu có tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường: 535/535 đạt 100%.

- Toàn đặc khu có tỉ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 575/575 đạt 100%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ ngày :100%

- Tỉ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần: 100%

- Tỉ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể nhẹ cân: 0,1 %

- Tỉ lệ trẻ 5 tuổi SDD thể thấp còi: 0,6%

- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Mầm non: 100%

- Trẻ mẫu giáo 3 - 4 tuổi được hưởng chế độ: 666 = 100%
- Trẻ mẫu giáo 5 tuổi được hưởng chế độ: 514 = 100%
- Tỷ lệ trẻ khuyết tật 5 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 0%
- Tổng số trẻ 0-2 tuổi: 426 ra lớp: 364; Tỷ lệ: 85,4% trong đó trẻ học tại địa bàn là 300 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 64 trẻ
- Tổng số trẻ 3-5 tuổi: 1390, ra lớp: 1361; Tỷ lệ: 97,9%, trong đó trẻ học tại địa bàn là 1092 trẻ, trẻ học ngoài địa bàn là 269 trẻ.
- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: 3; số trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục: 3. Tỷ lệ: 100%

1.3. Kết luận: Căn cứ vào các tiêu chuẩn và điều kiện theo Thông tư 07 và Nghị định số 20 kết quả đặc khu đạt PCGDMNCT5T.

2. Phổ cập giáo dục Tiểu học

2.1. Điều kiện đảm bảo PCGD Tiểu học

2.1.1. Về đội ngũ giáo viên, nhân viên

- 100% các trường có đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của BGD&ĐT về hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

- Tiểu học: 133 người. Đạt chuẩn 131/133=98,5% (theo Luật Giáo dục năm 2019); Đạt chuẩn 133/133=100%, trên chuẩn 132/133=99,25% (theo Luật Giáo dục năm 2005). Một số giáo viên đủ điều kiện nâng chuẩn đang tham gia học tập để đạt chuẩn theo quy định.

- 128/133=96,24% số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (5/133=3,76% giáo viên chưa đánh giá do mới hợp đồng).

- 100% các trường phân công giáo viên, cán bộ quản lý phụ trách theo dõi, điều tra công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ tại địa bàn.

2.1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Đặc khu có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông (10 trường) thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh tiểu học đi học thuận lợi, an toàn.

- Các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục Tiểu học có:

+ 14/14 trường, điểm trường có số phòng học đạt tỷ lệ 1,0 phòng/lớp; các phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; phòng học đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu

trường, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm;

+ 14/14 trường, điểm trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của BGD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu; thiết bị dạy học được sử dụng bảo quản thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện;

+ 14/14 trường, điểm trường có sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

2.2. Tiêu chuẩn

- Toàn đặc khu có tỉ lệ trẻ em vào lớp 1: 575/575 đạt 100%

- Trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là 510/510 đạt tỉ lệ 96,41%. Trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học: 19 = 3,59%.

- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2024-2025) 2143 = 98,89 %. Trong đó, số trẻ em 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học là 508/508 = 100%.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi trên địa bàn 43, trong đó, số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-14 tuổi được tiếp cận giáo dục là 29 = 67,4%.

2.3. *Kết luận*: Căn cứ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Thông tư số 07 và Nghị định số 20, đặc khu bảo đảm tiêu chuẩn điều kiện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3.

3. Phổ cập giáo dục THCS

3.1. Điều kiện đảm bảo PCGD THCS

3.1.1. Về đội ngũ giáo viên, nhân viên

- 10/10 trường có đủ giáo viên và nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ Hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Số giáo viên: 149 người; nhân viên: 30 người (trong đó: thư viện: 7 người, thiết bị: 10 người, văn phòng 10).

- Giáo viên cơ bản đạt chuẩn trình độ đào tạo đối với giáo viên trung học cơ sở theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019. Cụ thể: Số giáo viên đạt chuẩn: 137/149 = 89,26%; số giáo viên trên chuẩn: 12/149 = 10,74%. Một số giáo viên đủ điều kiện nâng chuẩn đang tham gia học tập để đạt chuẩn theo quy định.

- 142/149 = 95,3% số giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (7/149 = 4,7% giáo viên chưa đánh giá do mới hợp đồng).

- 100% các trường phân công giáo viên, cán bộ quản lý phụ trách theo dõi, điều tra công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tại địa bàn.

3.1.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Đặc khu có mạng lưới cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập trung học cơ sở theo quy hoạch, điều kiện giao thông bảo đảm cho học sinh đi học thuận lợi, an toàn;

- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở có:

+ 10/10 trường có phòng học được xây dựng theo tiêu chuẩn quy định, an toàn; có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, bàn ghế của giáo viên; đủ ánh sáng, ấm về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh khuyết tật học tập thuận lợi; có phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên, phòng y tế trường học, thư viện, phòng thí nghiệm;

+ 10/10 trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở; thiết bị dạy học được sử dụng thường xuyên, dễ dàng, thuận tiện;

+ 10/10 trường có sân chơi và bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước; có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên, học sinh, riêng cho nam, nữ.

3.2. Tiêu chuẩn

- Đặc khu bảo đảm tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và đạt tiêu chuẩn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 1788; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2024-2025): $419/422 = 99,28\%$.

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: $1716/1788 = 95,97\%$.

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 0 ; Tỷ lệ 0%, trong đó độ tuổi từ 1-14 tuổi bỏ học: 0; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 0

- Số lớp PCGD THCS: 71

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 68, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 35=100%

- Tỷ lệ học sinh vào trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề đạt 94,52%.

***) Kết quả TN THCS, vào lớp 10 hệ THPT, GDTX, học nghề**

- Tổng số học sinh TN THCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học 2024-2025): 419/422 đạt tỷ lệ 99,29%;

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2024-2025 vào học lớp 10 THPT, GDTX THPT, TCCN, trường dạy nghề 416/419 chiếm tỉ lệ 99,28% (trong đó vào học lớp 10 THPT: 416; Tỉ lệ: 100%, học lớp 10 GDTX THPT 0, tỉ lệ 0%, học nghề 0, tỉ lệ 0%).

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học 2024-2025): 423/423= 100%;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21: 1.633; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN: 1554 = 99,55%

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18-21 tuổi ngoài nhà trường: 72 = 4,4%.

3.3. Kết luận: Căn cứ vào các tiêu chuẩn và điều kiện theo Thông tư 07 và Nghị định số 20, kết quả có đạt PCGDTHCS mức độ 3.

4. Xóa mù chữ

4.1. Huy động người trong độ tuổi tham gia lớp xóa mù

- Số lớp xóa mù: Không

- Số học viên tham gia: Không.

Số lượng người mù chữ trong độ tuổi phải phổ cập không đủ tham gia và mở các lớp xóa mù chữ.

4.2. Các điều kiện bảo đảm xóa mù chữ

4.2.1. Về người tham gia dạy học xóa mù chữ

- Đặc khu bảo đảm huy động đủ người tham gia dạy học xóa mù chữ tại địa bàn là giáo viên của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục khác, người đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019;

- Toàn đặc khu có 19/19 cơ sở giáo dục tham gia thực hiện xóa mù chữ tại xã (nếu mở lớp xóa mù chữ), có người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công.

4.2.2. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Toàn đặc khu có đầy đủ và bảo đảm điều kiện thuận lợi cho các lớp xóa mù chữ được sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của các cơ sở giáo dục, trung tâm học tập cộng đồng, cơ quan, đoàn thể, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức khác và cá nhân trong địa bàn để thực hiện dạy học xóa mù chữ.

4.3. Tiêu chuẩn

a) Toàn đặc khu có số người từ 15 đến 60 tuổi đạt chuẩn biết chữ mức độ 2 (21.158/21.170 người) đạt 99,94%.

b) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 4618. Trong đó:

- Đối với mức độ 1

+) Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 4617. Tỉ lệ: 99,98%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 01. Tỉ lệ : 0,02%

- Đối với mức độ 2

+) Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 4617. Tỷ lệ: 99,98%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 01. Tỷ lệ : 0,02%

c) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 9661. Trong đó:

- Đối với mức độ 1

+) Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 9660. Tỷ lệ: 99,99%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 01. Tỷ lệ : 0,01%

- Đối với mức độ 2

+) Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 9658. Tỷ lệ: 99,97%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 03. Tỷ lệ : 0,03%

d) Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 21.170. Trong đó:

- Đối với mức độ 1

+) Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 21165 Tỷ lệ: 99,98%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 5. Tỷ lệ : 0,02%

- Đối với mức độ 2

+) Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 21.158 Tỷ lệ: 99,94%

+) Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 12. Tỷ lệ : 0,06%

4.4. *Kết luận* : Căn cứ vào các tiêu chuẩn và điều kiện theo Thông tư 07 và Nghị định số 20 kết quả, đặc khu đạt chuẩn phổ cập xóa mù chữ mức độ 2.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác phổ cập giáo dục nhiều năm triển khai thực hiện luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương. Cơ sở vật chất các đơn vị trường học được đầu tư khang trang; đội ngũ nhà giáo cơ bản đáp ứng thực hiện việc dạy và học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, Chương trình giáo dục mầm non mới. Sau khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đội ngũ công chức phụ trách lĩnh vực giáo dục đảm bảo chuyên môn và có nhiều năm kinh nghiệm làm công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; quy mô trường lớp ổn định, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện công tác phổ cập nhiều kinh nghiệm. Phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mới có nhiều tiện ích, dễ khai thác thông tin.

Phòng Văn hóa-Xã hội- cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo PCGD, XMC chủ động tham mưu triển khai đầy đủ, đảm bảo tiến độ công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định.

21/21 đơn vị trường học phối hợp tốt với các thôn trên địa bàn đặc khu thực hiện việc điều tra, cập nhật thông tin trên hệ thống phần mềm cơ bản đảm bảo theo yêu cầu.

100% các trường đảm bảo đầy đủ các điều kiện công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Toàn đặc khu đảm bảo các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ mức độ cao nhất.

2. Hạn chế

Phần mềm phổ cập có một số trường thông tin liên quan đến định danh cá nhân, gây khó khăn cho công tác điều tra, do một số người dân chưa phối hợp tốt với người điều tra phổ cập và liên quan đến bảo mật thông tin cá nhân.

Địa bàn đặc khu rộng, dân cư không ổn định ảnh hưởng không nhỏ đến việc điều tra, cập nhật chính xác thông tin hộ dân trên địa bàn.

Kinh phí phục vụ cho công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ còn hạn chế, nên chưa đảm bảo các mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 202-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

V. THỐNG KÊ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH HIỆN CÓ THEO HỌC TẠI TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP-GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Tuy đặc thù địa bàn đặc khu có dân cư ít; điều kiện kinh tế còn khó khăn; đối tượng chưa phổ cập được nằm rải rác ở các khu dân cư có địa bàn cách xa nhau, còn đi biển, đi làm ăn xa ... nhưng Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ vẫn quyết tâm, khắc phục mọi khó khăn huy động được đối tượng chưa phổ cập được ra lớp, cụ thể: học tại Điểm trung tâm GDNN-GDTX Cát Hải có tổng số 06 lớp THPT với 163 học sinh (02 lớp 10: 62 HS, 02 lớp 11: 52 HS, 02 lớp 12: 49 HS).

VI. KẾ HOẠCH CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA

Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/ĐH ngày 16/8/2025 của Đại hội Đảng bộ đặc khu lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, trong đó xác định mục tiêu, giải pháp triển khai thực hiện mục tiêu: Duy trì số trường đạt chuẩn quốc gia, có thêm 01-02 trường học đạt chuẩn quốc gia.

VII. KẾ HOẠCH PHỔ CẬP GIÁO DỤC, XÓA MÙ CHỮ NĂM 2026

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, nhân dân, cán bộ lãnh đạo, quản lý trong tình hình hiện nay, nhất là người đứng đầu về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác PCGD, XMC trên địa bàn đặc khu, đẩy mạnh công tác PCGD, XMC nhằm mục đích nâng cao dân trí, tạo điều kiện cho mọi công dân trong độ tuổi đạt chuẩn trình độ học vấn theo quy định về PCGD, XMC, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương, thành phố và đất nước; từng bước thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đặc khu lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030 đã đề ra.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, bảo đảm sự đồng bộ và thống nhất với việc thực hiện các chủ trương lớn của Đảng và nhà nước. Đẩy mạnh điều tra, nắm vững đối tượng trong độ tuổi quy định cần phổ cập giáo dục, xóa mù chữ để tổ chức huy động ra lớp; định kỳ sơ kết, tổng kết để đánh giá việc thực hiện trong năm, cũng như tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Cùng cố duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng công tác PCGD, XMC trên địa bàn đặc khu.

2. Nhiệm vụ giải pháp

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và trách nhiệm về công tác PCGD, XMC trong hệ thống chính trị toàn toàn đặc khu.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC. Ban Chỉ đạo PCGD, XMC đặc khu tiếp tục xây dựng kế hoạch chỉ đạo, triển khai công tác PCGD, XMC năm 2026.

- Tổ chức tốt công tác điều tra, cập nhật dữ liệu và xử lý số liệu thống kê PCGD, XMC; Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thống kê, báo cáo kết quả PCGD, XMC.

- Tiếp tục tham mưu với UBND đặc khu phát triển và hoàn thiện hệ thống trường lớp; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và các điều kiện bảo đảm cho thực hiện công tác PCGD, XMC theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT.

- Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà; huy động tối đa học sinh ra lớp và hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; củng cố vững chắc kết quả PCGD, XMC đã đạt được.

- Thực hiện tự kiểm tra công nhận lại kết quả PCGD, XMC.

VIII. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ GDĐT: Không.

2. Đối với thành phố: Không.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 của Ban Chỉ đạo PCGD, XMC đặc khu Cát Hải./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND đặc khu;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Đảng ủy;
- CT, PCT UBND đặc khu;
- BCĐ PCGD, XMC đặc khu;
- Phòng Văn hóa-Xã hội;
- C, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, VHXXH.

TRƯỞNG BAN

**PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
Vũ Hữu Vững**